TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HSST
Ngày 29/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Giới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Quốc Tuấn.
1. Ông Nguyễn Văn Bẩy.

Thư ký phiên toà*:* Bà Vũ Thị Thúy Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*:* Bà Lương Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2016/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/HSST ngày 21/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số /2017/QĐ - HSST ngày 05/9/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐ - HSST ngày 15/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/QĐ – HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh N** – tên gọi khác: Không.
Sinh ngày 16/4/1983, tại: thị xã Đ, tỉnh Q.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu H, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q.
Chỗ ở hiện nay: Khu Q, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q.
Trình độ văn hóa: 12/12 – Nghề nghiệp: Không.
Họ và tên bố: Nguyễn Thanh B – sinh năm 1949.
Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1951.
Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ ba.
Họ và tên chồng: Phạm Văn T – sinh năm 1980 (Đã Ly hôn).
Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016.
Bị cáo hiện tại ngoại – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Họ và tên: **Phan Văn T** – Tên gọi khác: Không
Sinh ngày 10/8/1972 - tại huyện K, tỉnh H.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh H.
Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh H.
Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.
Trình độ văn hóa: 7/10 - Nghề nghiệp: Không.
Họ và tên bố: Phan Văn L (Đã chết).
Họ và tên mẹ: Phạm Thị B – Sinh năm: 1933.

Anh chị em: Có 07 người, bị cáo là con thứ 6.
Vợ: Lê Thị Thúy – Sinh năm: 1976 (đã ly hôn).
Con: Có 01 con, sinh năm 1996.
Tiền án: Năm 2011, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2013.
Tiền sự: Chưa.
Nhân thân: Ngày 16/3/2016, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều xử phạt 09 (Chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".
Bị bắt ngày 09/9/2015, hiện đang thi hành án tại Trại giam Hoàng Tiến – Tổng cục VIII, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. – Có mặt.

* *Người bị hại*: Anh: Nguyễn Bình M - Sinh năm 1987.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Y, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Q – Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi liên quan*: Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1962.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh H. – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái để phục vụ sinh hoạt nhưng không có giấy phép lái xe nên Phan Văn T, sinh năm 1972, trú tại phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh H, nhờ Nguyễn Thị Thanh N (có giấy phép lái xe ô tô) đứng ra thuê xe cho T. Ngày 16/4/2015, cả hai đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Lan ở thị trấn p, huyện K, tỉnh H do chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 làm giám đốc, để thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA loại MORNING, biển kiểm soát 34A – 065.09, trong thời hạn 02 tháng (từ ngày 16/4/2015 đến 16/6/2015), kèm theo xe là: 01 giấy kiểm định, 02 sổ bảo hiểm, 01 bản phô tô giấy đăng ký xe ô tô.

Sau khi thuê được xe, do có ý định cầm cố chiếc xe lấy tiền sử dụng và để cầm cố xe được nhiều tiền, T đã bảo N viết giấy chuyển nhượng xe với nội dung chủ xe đã bán xe cho T. Sau đó, T thuê người làm giả đấu đỏ của Công an tỉnh H và đóng dấu trên vào giấy chuyển nhượng cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (cũng mang tên chủ xe là Nguyễn Thị L giống như bản phô tô giấy đăng ký xe ô tô chị L đưa cho khi thuê xe). Ngày 26/4/2015, T bảo N tìm người để cầm cố chiếc xe trên. Khoảng 19h ngày 28/4/2015, theo sự giới thiệu của N, T đem chiếc trên đến hiệu cầm đồ H ở thôn Y, xã Y, thị xã Đ, (do anh Nguyễn Bình M là người quen của N làm chủ), rồi T gọi điện cho N đi Taxi đến hiệu cầm đồ của anh M. Tại đây, N nói chiếc xe ô tô trên là của T mua lại của người khác được khoảng 2-3 tháng, có giấy chuyển nhượng xe. Đồng thời, T đưa cho anh M 01 (một) bộ giấy tờ gồm: 01 giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 34A – 065.09 và 01 (một) giấy chuyển nhượng xe ô tô (mới được làm giả), 01 (một) quyển sổ đăng kiểm và 01 (một) giấy bảo hiểm của xe ô tô. Do không kiểm tra kỹ, tưởng giấy tờ xe là thật nên anh M đã đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên và cho T vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), trong thời hạn 01 tháng (kể từ ngày 28/4/2015 đến ngày 28/5/2015), lãi suất 2.000đồng/một triệu/ngày. Sau đó, T đã

trả cho anh M số tiền lãi là 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng). Sau khi cầm cố được xe, T và N đi Taxi về, trên đường về T nói cho N biết đã làm giả giấy tờ xe ô tô đưa cho anh M. Số tiền cầm cố được T sử dụng hết.

Ngày 21/5/2015, khi phát hiện định vị gắn trên xe ô tô mà chị L cho T và N thuê không còn hoạt động, khi tìm hiểu biết chiếc xe đã bị cầm cố, chị Lan đã làm đơn tố giác với Công an huyện K, tỉnh H. Ngày 28/8/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn đã thu giữ tại nhà anh Nguyễn Bình M chiếc xe ô tô cùng các giấy tờ nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cùng toàn bộ vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Đông Triều.

Tại kết luận giám định số 136/2015/GĐTL ngày 10/10/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận : Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thu giữ tại nhà anh Nguyễn Bình M là giả. Chữ viết trên các bản tự khai, biên bản tự khai đứng tên Nguyễn Thị Thanh N và chữ viết trên giấy chuyển nhượng xe do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Đông Triều kết luận : Xe ô tô nhãn hiệu KIA loại MORNING biển kiểm soát 34A - 065.09 trị giá 273.000.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng). Ngày 27/9/2015, Cơ quan điều tra - Công an thị xã Đông Triều đã trả lại xe ô tô cho chủ sở hữu.

Sau khi phạm tội, ngày 09/9/2015, Phan Văn T bị bắt và bị truy tố, xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Còn Nguyễn Thị Thanh N bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 03/01/2017, N bị bắt theo lệnh truy nã. Ngày 18/5/2017, Phan Văn T bị khởi tố về tội "Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Tại cơ quan điều tra, Phan Văn T và Nguyễn Thị Thanh N đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 41/KSĐT - HS ngày 10/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Nguyễn Thị Thanh N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a - khoản 3 - Điều 139 - Bộ luật Hình sự và Phan Văn T về tội *"Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 – Điều 267 – Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Biết việc làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, nên bị cáo Phan Văn T vẫn thực hiện. Sau khi làm được giấy tờ giả, T bảo Nguyễn Thị Thanh N tìm nơi cầm cố tài sản, N biết chiếc xe ô tô T đem cầm cố không phải là tài sản của T nhưng N vẫn bảo anh M là xe của T đã mua của người khác, (giấy chuyển nhượng xe ô tô do N viết hộ T) để anh M tin tưởng đưa tiền cho T. Trên đường về T đã bảo cho N biết các giấy tờ đăng ký xe ô tô, giấy chuyển nhượng xe ô tô là do T làm giả để lừa tiền anh M. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a - khoản 3 – Điều 139; điểm p – khoản 1, 2 – Điều 46 – Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Thanh N từ 07 (bẩy) năm đến 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng khoản 1 – Điều 267; Điểm g – khoản 1 – điều 48; Điểm p – khoản 1, 2 – điều 46 – Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án

số 20/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, nay không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra - Công an thị xã Đông Triều, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và Phan Văn T có lời khai phù hợp quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo thể hiện:

Ngày 16/4/2015, Nguyễn Thị Thanh N cùng Phan Văn T đã thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại MORNING, BKS 34A – 065.09, trị giá 273.000.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng) của chị Nguyễn Thị L với thời hạn 02 tháng. Sau đó, T thuê người làm giấy đăng ký xe ô tô giả và đóng dấu giả Công tỉnh H trên giấy chuyển nhượng xe ô tô giả, rồi T sử dụng giấy tờ giả cùng N đem xe ô tô đến cầm cố cho anh Nguyễn Bình M, ở thôn Y, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Q, chiếm đoạt của anh M 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Người bị hại, anh Nguyễn Bình M có lời khai phù hợp lời khai của các bị cáo về thời gian, địa điểm và tài sản bị chiếm đoạt.

Người có quyền lợi liên quan, chị Nguyễn Thị L có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo và người bị hại.

Người làm chứng là chị Nguyễn Thanh Hà và anh Lê Trọng Trung có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và người bị hại.

Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, phù hợp kết quả điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Triều, thừa nhận bản luận tội của Kiểm sát viên là đúng, không tranh luận gì. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a - khoản 3 - Điều 139 - Bộ luật hình sự; Bị cáo Phan Văn T phạm tội "*Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định tại Điều 267 – Bộ luật Hình sự.

Điều 139 – BLHS quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.”...

Điều 267 – Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”...

Về khách thể: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; Hành vi phạm tội “*Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* của Phan Văn T đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính, là các khách thể quan trọng luôn được pháp luật đề cao bảo vệ.

Về chủ thể: Các bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm pháp luật.

Về khách quan: N viết giấy chuyển nhượng giả, để người khác tin rằng ô tô của chị L đã bán cho T; Tiếp theo đó T đã thuê người làm giả giấy tờ đăng ký và chuyển nhượng xe ô tô mang tên T nhưng không nói cho N biết, sau đó T và N đưa xe ô tô và giấy tờ giả đến cho anh M; Anh T là người được anh M nhờ xem hộ giấy tờ do T đưa cũng tưởng là giấy tờ thật; Đồng thời N nói xe ô tô của T đã mua của người khác, làm anh Minh tin là xe ô tô của T nên đã đưa tiền cho T. Hậu quả là T và N chiếm đoạt của anh M 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi chiếm đoạt được tiền, trên đường về T nói cho N biết giấy đăng ký xe ô tô và giấy chuyển nhượng xe ô tô có đáng dấu đỏ là giấy tờ giả.

Về chủ quan: Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân về việc quản lý bảo vệ tài sản và kinh doanh, làm mất an ninh trật tự quản lý hành chính, trật tự xã hội ở địa phương. Bản thân các bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động lại thích hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản sẵn có của người khác nên đi vào con đường phạm tội. Các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản có giá trị rất lớn, thể hiện ý chí phạm tội cao, liều lĩnh, coi thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét vai trò, đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn vì khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, T không có sự bàn bạc, phân công với N trong việc thực hiện từng hành vi cụ thể, hay hứa hẹn ăn chia số tiền chiếm được với N. N chỉ giúp T viết giấy tờ giả chuyển nhượng xe ô tô sang tên T (không có dấu), giúp T tìm nơi cầm cố xe ô tô và khi đến nhà anh M N nói với anh M là xe của T đã mua được khoảng hai đến ba tháng để anh Minh thêm tin tưởng. Việc T thuê người làm giấy đăng ký xe ô tô giả và đóng đấu giả Công an tỉnh H vào giấy chuyển nhượng xe ô tô giả, chỉ sau khi thực hiện xong việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh M, trên đường về T mới nói cho N biết. Nên T là người khởi xướng hành vi phạm tội, N chỉ là đồng phạm giúp sức đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy T phải chịu trách nhiệm hình sự cả hai tội, mức hình phạt phải cao hơn N.

Xét nhân thân: Năm 2011, T đã bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g – khoản 1 – điều 48 – Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cũng xét, quá trình điều tra xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, người bị hại, người có quyền lợi liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Mặt khác bị cáo N có bố là thương binh được Nhà nước tặng thưởng Huân chương nên cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p - khoản 1, 2 – Điều 46 – BLHS, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và bị cáo N một mình nuôi bốn người con nên miễn cho các bị cáo hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Tại bản án số 20/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã giải quyết, nay không đề cập.

Liên quan trong vụ án còn có đối tượng làm, bán giấy tờ giả cho Phan Văn T, quá trình điều tra chưa làm rõ được, Cơ quan điều tra ra quyết định tách để điều tra thành vụ án riêng, không xét trong vụ án này.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh N** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";* Bị cáo **Phan Văn T** phạm tội: *"Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

***Áp dụng*:** Điểm a - khoản 3 - Điều - 139; Điểm p - khoản 1, 2 - Điều 46; Điều 20; Điều 53 - BLHS.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh N** 07 (bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 - Điều 267; Điểm p - khoản 1, 2 – Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 50; Điều 51 – Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn T** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/09/2015. Tổng hợp với hình phạt 09 (Chín) năm tù tại bản án số 20/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều; Buộc bị cáo Phan Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/9/2015. Thời gian tạm giam và thi hành án từ ngày 09/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2017, được tính vào thời gian đã chấp hành án.

Áp dụng: Điều 99 - Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và Phan Văn T mỗi người phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi liên

quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS thị xã Đông Triều;
- Công an thị xã Đông Triều;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Giới